TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** TỈNH BÌNH ĐỊNH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 981/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02/10/ 2018
"V/v Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Minh Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Chính

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Chánh – Thư ký TAND thành phố Q.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hoa Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q tỉnh Bình Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2018/TLST-HN ngày 02 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/8/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2018/QĐST-DS ngày 07/9/2018 của TAND thành phố Q, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Kim L - Sinh năm: 1967 (có mặt).
C trú: Số 49 Tháp Đ, phường Đ, Tp. Q, tỉnh Bình Định
**** Bị đơn:*** Ông Nguyễn C - Sinh năm: 1967 (vắng mặt).
C trú: Tổ 14, Khu vực 3, phường Đ, Tp. Q, tỉnh Bình Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày*:**

Bà và ông Nguyễn C tự nguyện tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 1986 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Những năm đầu vợ chồng sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2007 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã gay gắt, ông C thường xuyên đánh đập bà, vợ chồng đã ly thân hơn một năm. Vì vậy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn ông Nguyễn C.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung là chị Nguyễn Thị Sa L, sinh ngày 6/5/1987; anh Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 15/7/1989 và chị Nguyễn Thùy D, sinh ngày 01/8/1994. Các con đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên bà không yêu cầu tòa giải quyết.

Tài sản chung: Vợ chồng bà có tài sản chung là nhà và đất 70m^2 tại tổ 11, khu vực 02, phường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định đã bán cho ông Đoàn Thế Hòa. Tuy nhiên, số tiền sau khi bán nhà đã sử dụng cho bà N, ông H, cho các con chung, trả nợ ngân hàng, mua nhà tại đường L và đưa ông C sử dụng 400.000.000đồng, các tài sản này bà tự nguyện không tranh chấp.

Bà chỉ yêu cầu tòa giải quyết chia số tiền 850.000.000đồng của hai vợ chồng cùng ký gửi đứng tên sở hữu chung tại ngân hàng Vietcombank- Chi nhánh Bình Định theo thẻ tiết kiệm phát hành ngày 26/5/2017 và tiền lãi phát sinh, mỗi người được hưởng ½ số tiền này, vì số tiền lãi liên tục phát sinh nên khi nào bà nhận được tiền gốc thì tính lãi theo quy định ngân hàng. Còn số tiền 110.000.000đồng theo thẻ tiết kiệm phát hành ngày 13/6/2017 bà tự nguyện rút lại không yêu cầu tòa giải quyết. Bà không còn yêu cầu gì khác.

Riêng ông C khai vợ chồng tạo lập được 02 lượng vàng 24K hiện nay bà đang quản lý sử dụng là không đúng, bà không quản lý số vàng trên.

Vợ chồng không nợ chung ai, không ai nợ chung vợ chồng

***Theo các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn C trình bày*:**

Ông và bà Nguyễn Thị Kim L chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1983, là tự nguyện, có tìm hiểu, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà Nguyễn Thị Kim L chơi cờ bạc vay tiền ngân hàng 1,3 tỷ đồng trả nợ, sau đó bán nhà từ đường của cha mẹ ông để trả nợ. Bà L yêu cầu ông rút tiền Ngân hàng về sử dụng nhưng ông không đồng ý thì bà L hỗn với ông nên ông cầm chai nhựa đánh vào đầu bà L gây thương tích chảy máu. Vợ chồng ông đã ly thân với nhau khoảng 01 năm nay. Hiện nay, tình cảm không còn, mâu thuẫn khó hàn gắn. Bà L yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Ông thống nhất lời trình bày của bà L về con chung.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được 02 lượng vàng 24K. Hiện nay bà L đang quản lý sử dụng.

Ông và bà L có gửi tại Ngân hàng VietcomBank - chi Nhánh Bình Định 02 thẻ tiết kiệm có kỳ hạn. Một thẻ 850.000.000đồng gửi ngày 26/5/2017 thuộc sở hữu ông và bà L và một thẻ 260.000.000đồng gửi ngày 13/6/2017 do ông đứng tên riêng nhưng ông đã rút hết số tiền thẻ 260.000.000đồng. Bà L yêu cầu chia Đ số tiền 850.000.000đồng và tiền lãi gửi tại Ngân hàng ông không đồng ý vì số tiền này là tài sản riêng do bán nhà từ đường của nhà cha mẹ ruột ông tại tổ 11, khu vực 02, phường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định và ủy quyền lại cho ông tạm giữ tiền để khi anh em nào ngặt ngèo đau bệnh và để lo cúng giỗ ông bà

Vợ chồng không nợ chung ai, không ai nợ chung vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố Q thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, thời hiệu, quan hệ tranh chấp và xác định đúng tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng. Tại phiên tòa HĐXX, thư ký, nguyên đơn chấp hành đúng theo luật tố tụng Dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông C và bà L.

Về con chung: bà L và ông C có 03 con chung Nguyễn Thị Sa L, sinh ngày 6/5/1987; anh Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 15/7/1989 và chị Nguyễn Thùy D, sinh ngày 01/8/1994. Các con đã thành niên, sức khỏe bình thường nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà L đối với thẻ tiết kiệm 850.000.000đồng và tiền lãi phát sinh tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Bình Định. Bà L và ông C mỗi người được hưởng 425.000.000đồng và tiền lãi phát sinh tương ứng số tiền gốc được hưởng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông C cho rằng vợ chồng tạo lập được 02 lượng vàng 24K do bà L cất giữ. Tuy nhiên, Tòa đã ra thông báo yêu cầu ông C nộp tiền tạm ứng án phí phản tố, nhưng ông C không nộp tiền nên HĐXX không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Kim L có đơn khởi kiện giải quyết việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn đối với ông Nguyễn C trú tại phường Đ, thành phố Q. Căn cứ khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Q.

[2] - Xét việc vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên Tòa cho bị đơn ông C nhưng ông C vắng mặt tại phiên Tòa. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt ông C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông C tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 7/1986, không đăng ký kết hôn, nhưng thời điểm xác lập quan hệ vợ chồng trước ngày 03/01/1987 là ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và theo hướng dẫn tại mục 1 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày

03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 thì đây là hôn nhân thực tế và hợp pháp.

Hiện nay cuộc sống vợ chồng bà L ông C phát sinh mâu thuẫn, đang sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau trong cuộc sống. Nên ông C đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà L. Do đó, HĐXX công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà L và ông C.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung là chị Nguyễn Thị Sa L, sinh ngày 6/5/1987; anh Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 15/7/1989 và chị Nguyễn Thùy D, sinh ngày 01/8/1994. Các con đã trưởng thành, sức khỏe bình thường nên không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Bà L yêu cầu tòa giải quyết chia số tiền 850.000.000đồng của hai vợ chồng cùng ký gửi đứng tên sở hữu chung tại ngân hàng Vietcombank- Chi nhánh Bình Định theo thẻ tiết kiệm phát hành ngày 16/5/2017 và tiền lãi phát sinh, mỗi người được hưởng ½ số tiền này nhưng ông C không đồng ý cho rằng số tiền gửi ngân hàng là tài sản riêng do bán nhà từ đường của nhà cha mẹ ruột ông tại tổ 11, khu vực 02, phường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì có đủ cơ sở kết luận nhà và đất 110m^2 tại tổ 11, khu vực 02, phường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định được UBND thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sử dụng nhà ở số CH00033 ngày 15/4/2010 cho 5 anh em ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Lan, bà Nguyễn Hà và bà Nguyễn Thị Sơn. Ngày 20/4/2013 các anh em ông Nguyễn C thống nhất lập hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ nhà và đất này cho bà Trần Thị Hồng Vân và bà Vân tách thành 02 thửa 70m^2 và 40 m^2 được UBND thành phố Q cấp hai Giấy chứng nhận số CH00345 ngày 29/5/2013 diện tích 70m^2 và Giấy chứng nhận số CH00344 ngày 29/5/2013 diện tích 40m^2. Đến ngày 30/5/2013 bà Vân chuyển nhượng lại cho ông C nhà và đất 70m^2 theo hợp đồng chuyển nhượng nhà đất công chứng ngày 30/5/2013, sau đó ngày 11/6/2013 ông C đến văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Q đăng ký biến động đất đai đứng tên ông. Mặc dù nhà đất đứng tên ông Nguyễn C nhưng đến khi lập hợp đồng thế chấp vay tiền ngân hàng ngày 9/3/2015 và đăng ký thế chấp tại cơ quan quản lý đất đai ngày 9/3/2015 thì ông C kê khai là tài sản chung của vợ chồng và để cho bà L ký vào thủ tục thế chấp với tư cách là đồng sở hữu với ông C. Đến ngày 13/01/2017 vợ chồng ông C bà L làm hợp đồng chuyển nhượng bán 70m^2 đất và nhà cho ông Đoàn Thế Hòa, Hợp đồng được công chứng ngày 13/01/2017 ông C và bà L cùng ký tên vào hợp đồng với tư cách là bên bán. Do đó, ông C cho rằng số tiền bán nhà là tài sản riêng do bán nhà của cha mẹ ruột ông là không có cơ sở.

Tuy nhiên, Bà L chỉ yêu cầu tòa chia số tiền bán nhà 850.000.000đồng mà hai vợ chồng cùng đứng tên sở hữu chung tại ngân hàng Vietcombank- Chi nhánh Bình Định và tiền lãi phát sinh cho đến khi nhận được tiền gốc, mỗi người được hưởng ½ số tiền này. Riêng số tiền bán nhà đã cho bà N, ông Hà, cho các con

chung, trả nợ chung hai vợ chồng vay ngân hàng, mua nhà tại đường Hoa Lư, thành phố Q và đưa ông C 400.000.000đồng thì bà L tự nguyện không tranh chấp nên HĐXX không xem xét.

Xét thấy số tiền 850.000.000đồng bà L yêu cầu chia là tiền bán nhà của hai vợ chồng và hai vợ chồng cùng mang số tiền này đi gửi Ngân hàng theo Giấy yêu cầu gửi tiền ngày 26/5/2017 và được Ngân hàng phát hành thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số tài khoản 0-005-5-00-074038-6 ngày 26/5/2017. Ngân hàng cũng đã xác nhận hai vợ chồng cùng đồng sở hữu số tiền này và nếu muốn rút tiền thì phải có hai vợ chồng cùng rút. Như vậy, số tiền 850.000.000đồng được hình thành trong thời kỳ hôn nhân và khi giao dịch số tiền này tại ngân hàng thì ông C bà L đã tự nguyện nhập vào tài sản chung nên ngân hàng đã xác nhận đồng sở hữu. Do đó, HĐXX có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà L xác định số tiền gốc 850.000.000đồng gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định và tiền lãi phát sinh theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số tài khoản 0-005-5-00-074038-6 phát hành ngày 26/5/2017 là tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn C, nên mỗi người được chia ½ số tài sản chung này, cụ thể: Bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn C mỗi người được quyền sở hữu số tiền gốc 425.000.000đồng và lãi phát sinh theo số tiền gốc được chia cho đến khi rút hết tiền gốc với mức lãi suất đã thỏa thuận với ngân hàng. Vì vậy ông C cho rằng số tiền gửi ngân hàng là tài sản riêng do bán nhà từ đường của cha mẹ ruột ông tại tổ 11, khu vực 02, phường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Ngoài ra, khi khởi kiện bà L còn yêu cầu chia số tiền 110.000.000đồng theo thẻ tiết kiệm phát hành ngày 13/6/2017 nhưng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa bà L tự nguyện rút lại không yêu cầu tòa giải quyết số tiền này nên căn cứ Điều 5 và Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của bà L.

Mặt khác, ông C cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng tạo lập được 02 lượng vàng 24K trị giá khoản 50.000.000đồng do bà L đang quản lý sử dụng và yêu cầu chia Đ tài sản này. Căn cứ theo quy định tại Điều 200, 202 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015, Tòa đã ra thông báo yêu cầu ông C nộp tiền tạm ứng án phí phản tố, ông C đã nhận Thông báo nhưng không nộp tiền nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 13, điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì Bà L phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 10.500.000đồng án phí đối với phần tài sản được chia (đã được xét giảm ½ do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận); ông C phải chịu 21.000.000đồng án phí đối với phần tài sản được chia.

[7] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông C và bà L. Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của bà L đối với thẻ tiết kiệm 850.000.000đồng và tiền lãi phát sinh

tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Bình Định. Bà L và ông C mỗi người được hưởng 425.000.000đồng và tiền lãi phát sinh tương ứng số tiền gốc được hưởng. Trong quá trình giải quyết vụ án ông C cho rằng vợ chồng tạo lập được 02 lượng vàng 24K do bà L cất giữ. Tuy nhiên, Tòa đã ra thông báo yêu cầu ông C nộp tiền tạm ứng án phí phản tố, nhưng ông C không nộp tiền nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 213 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 29, khoản 1 Điều 131 và các Điều 33, 37, 38, 51, 55, 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và hướng dẫn tại mục 1 Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001; Điều 13, điểm a, b khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn C.

2. Về con chung: Có 03 người con chung là chị Nguyễn Thị Sa L, sinh ngày 6/5/1987; anh Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 15/7/1989 và chị Nguyễn Thùy D, sinh ngày 01/8/1994. Các con đã trưởng thành, nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Xác định số tiền gốc 850.000.000đồng gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Định và tiền lãi phát sinh (theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số tài khoản 0-005-5-00-074038-6 phát hành ngày 26/5/2017) là tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị Kim L và ông Nguyễn C, nên mỗi người được chia ½ số tài sản chung này, cụ thể: Bà Nguyễn Thị Kim L được quyền sở hữu 425.000.000đồng gốc và lãi phát sinh theo số tiền gốc được chia cho đến khi rút hết tiền gốc với mức lãi suất đã thỏa thuận với ngân hàng; Ông Nguyễn C được quyền sở hữu 425.000.000đồng gốc và lãi phát sinh theo số tiền gốc được chia cho đến khi rút hết tiền gốc với mức lãi suất đã thỏa thuận với ngân hàng.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia số tiền 110.000.000đồng theo thẻ tiết kiệm có kỳ hạn phát hành ngày 13/6/2017 của bà Nguyễn Thị Kim L.

5. Trong quá trình giải quyết vụ án ông C cho rằng vợ chồng tạo lập được 02 lượng vàng 24K do bà L cất giữ, nhưng ông C không nộp tiền tạm ứng án phí phản tố nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này có yêu cầu khởi kiện thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định pháp luật.

6. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim L phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền bà L đã nộp tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai số 0005904 ngày 27/02/2018 của chi Cục thi hành án dân sự thành phố Q. (bà L đã nộp xong).

- Án phí chia tài sản chung:

Bà L phải chịu 10.500.000đồng án phí đối với phần tài sản được chia (đã được xét giảm ½ do có hoàn cảnh kinh tế khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận) được trừ vào số tiền bà L đã nộp tạm ứng án phí 10.200.000đồng theo biên lai số 0005905 ngày 27/02/2018 của chi Cục thi hành án dân sự thành phố Q, bà L còn phải nộp thêm 300.000đồng.

Ông Nguyễn C phải chịu 21.000.000đồng án phí đối với phần tài sản được chia.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt bản án hợp lệ.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị Cỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Phan Minh Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND thành phố Q
- Lưu HS